Aperam

Tra cứu mác thép theo nhà sản xuất

Tóm tắt dữ liệu

Bảng dữ liệu mác thép	17
Giá trị đã công bố	51
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz / 60 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.7 T
Số mức mật độ từ thông	1

Đặc tính ở 50 Hz

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
1	**H100-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
2	**H100-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
3	**H105-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.05** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
4	**H110-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
5	**H110-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.10** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
6	**H120-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
7	**L080-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.80** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
8	**L085-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.85** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
9	**L085-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.85** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
10	**L090-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.90** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
11	**L090-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.90** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
12	**L095-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**0.95** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
13	**L100-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.00** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
14	**R120-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.20** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
15	**R130-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.30** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
16	**R130-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.30** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
17	**R140-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	50 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.40** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm

Đặc tính ở 60 Hz

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
18	**H100-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.32** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
19	**H100-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.32** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
20	**H105-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.38** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
21	**H110-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.45** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
22	**H110-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.46** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
23	**H120-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.58** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
24	**L080-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.05** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
25	**L085-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.12** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
26	**L085-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.12** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
27	**L090-23** Aperam	0.23	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.18** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
28	**L090-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.18** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
29	**L095-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.25** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
30	**L100-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.32** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
31	**R120-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.58** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
32	**R130-27** Aperam	0.27	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.68** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
33	**R130-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.71** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm
34	**R140-30** Aperam	0.3	Suất tổn hao lõi	60 Hz / 1.7 T Không nêu là B hay J	**1.83** W/kg	Giá trị tối đa bảo đảm

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
35	**H100-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
36	**H100-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
37	**H105-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
38	**H110-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
39	**H110-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.88** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
40	**H120-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm

Số thứ tự	Nhà sản xuất / Mác thép	Độ dày mm	Đặc tính	Điểm thử	Giá trị	Loại giá trị
41	**L080-23** Aperam	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
42	**L085-23** Aperam	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
43	**L085-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
44	**L090-23** Aperam	0.23	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
45	**L090-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
46	**L095-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
47	**L100-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.85** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
48	**R120-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.80** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
49	**R130-27** Aperam	0.27	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.80** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
50	**R130-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.80** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm
51	**R140-30** Aperam	0.3	Cảm ứng từ	H = 800 A/m	**1.80** T	Giá trị tối thiểu bảo đảm

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

Aperam

Electrical Steels – Sustainability and efficiency

Phiên bản 2022-05-12 (official PDF creation metadata; revision not printed) Tài liệu chính thức

Trang 11 của PDF · Dòng dữ liệu 1, 18, 35

Trang nguồn và phương pháp thử Table 12, guaranteed magnetic properties · Khung Epstein (IEC 60404-2)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Epstein, 100% rolling-direction stress-relief-annealed samples under IEC 60404-2. The catalog describes agreement-dependent laser-scribing alternatives with the tabulated characteristics maintained.

Trang 11 của PDF · Dòng dữ liệu 2-6, 19-23, 36-40

Trang nguồn và phương pháp thử Table 12, guaranteed magnetic properties · Khung Epstein (IEC 60404-2)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Epstein, 100% rolling-direction stress-relief-annealed samples under IEC 60404-2.

Trang 12 của PDF · Dòng dữ liệu 7-12, 24-29

Trang nguồn và phương pháp thử Table 13, guaranteed magnetic properties · Thử tấm đơn và quy đổi theo IEC 60404-8-7

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Aperam's published magnetic loss is from single-sheet testing multiplied by 0.925 per IEC 60404-8-7:2020. The induction value is separately printed; the HGO DR note only assigns this method to loss.

Trang 12 của PDF · Dòng dữ liệu 13, 30

Trang nguồn và phương pháp thử Table 13, guaranteed magnetic properties · Thử tấm đơn và quy đổi theo IEC 60404-8-7

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Aperam's published magnetic loss is from single-sheet testing multiplied by 0.925 per IEC 60404-8-7:2020. The induction value is separately printed; the HGO DR note only assigns this method to loss. The catalog describes agreement-dependent laser-scribing alternatives with the tabulated characteristics maintained.

Trang 10 của PDF · Dòng dữ liệu 14-17, 31-34, 48-51

Trang nguồn và phương pháp thử Table 11, guaranteed magnetic properties · Khung Epstein (IEC 60404-2)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Epstein, 100% rolling-direction stress-relief-annealed samples under IEC 60404-2.

Trang 12 của PDF · Dòng dữ liệu 41-46

Trang nguồn và phương pháp thử Table 13, guaranteed magnetic properties · Không nêu phương pháp đo cảm ứng từ

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Aperam's published magnetic loss is from single-sheet testing multiplied by 0.925 per IEC 60404-8-7:2020. The induction value is separately printed; the HGO DR note only assigns this method to loss.

Trang 12 của PDF · Dòng dữ liệu 47

Trang nguồn và phương pháp thử Table 13, guaranteed magnetic properties · Không nêu phương pháp đo cảm ứng từ

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Aperam's published magnetic loss is from single-sheet testing multiplied by 0.925 per IEC 60404-8-7:2020. The induction value is separately printed; the HGO DR note only assigns this method to loss. The catalog describes agreement-dependent laser-scribing alternatives with the tabulated characteristics maintained.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép.

Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.

Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.

Phiên bản 2026-11-14.2